

TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN QUẢNG HÒA  
TỈNH CAO BẰNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 52/2023/HSST  
Ngày 30/11/2023

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUẢNG HÒA

*Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* ông Nông Thanh Điệp

*Các Hội thẩm nhân dân:* ông Đàm Văn Chung và bà La Thị Phương

*Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:* ông Nguyễn Thành Dương – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quảng Hòa.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Hòa tham gia phiên tòa:* bà Đàm Thị Hoà – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 11 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quảng Hòa xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 50/2023/HSST ngày 02/11/2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 86/2023/HSST-QĐTA ngày 16/11/2023 đối với bị cáo:

1. **Nguyễn Văn T** - sinh năm 1978; Giới tính: Nam  
Số CMND: 100691918, cấp ngày 23/3/1996, nơi cấp: Công an tỉnh Q.  
Nơi thường trú: Thôn T, xã Q, huyện Đ, tỉnh Quảng Ninh.  
Nơi ở hiện tại: Tổ dân phố B, thị trấn T, huyện Q, tỉnh Cao Bằng.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 06/12; Con ông: Nguyễn Văn U (sinh năm 1940); Con bà: Nguyễn Thị T1 (sinh năm 1945); Vợ: Không có; Con: 01 con sinh năm 2010; Bị cáo là con thứ tư trong gia đình có 07 anh, chị, em.

Tiền án, tiền sự: Không có.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 13/7/2023 đến nay, có mặt tại phiên tòa.

2. **Đặng Quý T2** - sinh năm 1992; Giới tính: Nam  
Số CMND: 095226067, cấp ngày 22/5/2020, nơi cấp: Công an tỉnh B.  
Nơi thường trú: Thôn Đ, xã H, huyện B, tỉnh Bắc Kạn. Nơi ở hiện tại: Tổ dân phố T, thị trấn T, huyện Q, tỉnh Cao Bằng.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Dao; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 06/12; Con ông: Đặng Văn T3 (đã chết);

Con bà: Bàn Thị T4 (đã chết); Vợ: Không có; Con: 02 con, lớn sinh năm 2011, nhỏ sinh năm 2015; Bị cáo là con duy nhất trong gia đình.

Tiền án, tiền sự: Không có.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 13/7/2023 đến nay, có mặt tại phiên tòa.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ngô Thị Mỹ L  
Địa chỉ: Tổ dân phố H, thị trấn T, huyện Q, tỉnh Cao Bằng. Có mặt tại phiên tòa.

- *Người làm chứng:*

+ Dương Văn N

Địa chỉ: xóm B, xã B, huyện V, tỉnh Thái Nguyên

+ Hoàng Chàn Phin

Địa chỉ: xóm T, xã T, huyện N, tỉnh Cao Bằng

Những người làm chứng đều vắng mặt không có lý do.

### NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

[1] Về hành vi phạm tội của các bị cáo:

Khoảng 05 giờ 30 phút ngày 13/7/2023, Công an thị trấn T chủ trì phối hợp với Công an huyện Q, Đồn Biên phòng cửa khẩu quốc tế T6, Chi cục Hải quan cửa khẩu T7 tuần tra kiểm soát tại Tổ dân phố Đ, Thị trấn T, huyện Q thì phát hiện và bắt quả tang Nguyễn Văn T đang điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 19S1-004.97 di chuyển theo hướng thị trấn T đi thị trấn H chở theo 01 thùng catton bên trong có chứa 06 hộp hình vuông, vỏ ngoài màu đỏ vàng, bên trên mỗi hộp có ghi chữ nước ngoài. T khai 06 hộp trên là pháo hoa nổ loại giàn 36 ống do Trung Quốc sản xuất. Tổ công tác tiến hành lập biên bản bắt người phạm tội quả tang, vật chứng thu giữ: 01 thùng catton bên trong chứa 06 hộp (nghĩ là pháo); 01 điện thoại di động màu đen, màn hình cảm ứng, nhãn hiệu Redmi đã qua sử dụng; 01 xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA, loại xe Nouvo màu đỏ đen, biển kiểm soát 19S1-004.97, xe đã qua sử dụng.

Vào hồi 06 giờ 50 phút cùng ngày, cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện Q tiến hành khám xét khẩn cấp nơi ở của Nguyễn Văn T tại Tổ dân phố B, thị trấn T, huyện Q, tỉnh Cao Bằng. Kết quả: Phát hiện thu giữ dưới gầm giường 10 hộp hình vuông loại 100 ống được liên kết với nhau bằng dây dẫn. Thoại khai là pháo hoa nổ do Trung Quốc sản xuất.

Ngày 13/7/2023, cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện Q tiến hành cân xác định khối lượng vật chứng nghi là pháo thu giữ khi bắt quả tang có khối lượng là: 08kg; vật chứng thu giữ khi khám xét có khối lượng là: 39,2kg. Tổng khối lượng vật chứng thu giữ khi bắt quả tang và khám xét Nguyễn Văn T có khối lượng là: 47,2kg (Bốn mươi bảy phẩy hai kilôgam). Cân để xác định khối lượng riêng: 01 hộp loại 36 ống có khối lượng là 1,33kg/hộp; 01 hộp loại 100 ống có khối lượng là 3,92kg/hộp.

Tại bản kết luận giám định số: 378/KL-KTHS ngày 21/7/2023 của **Phòng K - Công an tỉnh C** kết luận: “Các mẫu vật hình khối hộp gửi giám định là pháo hoa nổ”.

Quá trình điều tra xác định được: Khoảng 19 giờ ngày 12/7/2023, **T** gọi điện thoại cho một người đàn ông Trung Quốc (không biết tên, địa chỉ cụ thể) qua mạng xã hội **W** và nói “cầm hàng ra bãi ông **S** rồi tao đến nơi thì ném sang” thì người đàn ông Trung Quốc đồng ý. Sau đó **T** dùng điện thoại gọi cho **Đặng Quý T2** và nói “lên cùng đi bốc hàng” thì **T2** đồng ý, rồi đi từ phòng trọ của mình tại **Tổ dân phố T, thị trấn T** đến phòng trọ của **T**. Sau đó cả hai đi bộ theo đường ruộng mía đến bờ **sông B**. Đến nơi **T** gọi điện qua **W** cho người đàn ông Trung Quốc và hỏi “đến chưa”, người đàn ông trả lời “đến rồi”. Nghe vậy, **T** và **T2** cùng nhau đi xuống bờ sông, **T** dùng hai cây tre bắc qua **sông B** rồi trèo qua sông sang bờ sông bên Trung Quốc gặp và mua với một người đàn ông Trung Quốc (không biết tên, tuổi, địa chỉ cụ thể) 16 hộp pháo hoa nổ do Trung Quốc sản xuất với giá 6.000.000 đồng bao gồm: 06 hộp pháo loại giàn 36 ống pháo và 10 hộp pháo loại giàn 100 ống pháo, còn **T2** đứng ở bờ sông bên Việt Nam đợi. Mua được pháo **T** cho tất cả số pháo trên vào 02 bao tải dứa, mỗi bao tải đựng 03 hộp pháo loại giàn 36 ống và 05 hộp pháo loại giàn 100 ống pháo rồi buộc miệng bao lại rồi lần lượt vác từng bao vượt sông sang Việt Nam đến vị trí **T2** đang đứng đợi. Sau khi **T** vận chuyển cả 02 bao sang đến bờ sông Việt Nam thì **T** và Thanh vác mỗi người một bao tải chứa pháo đi về phòng trọ của **T**. Khi đi được một đoạn thì **T2** hỏi **T** “đây chả pháo à”, **T** trả lời “ừ” và tiếp tục vác bao pháo đi về. Khi về gần đến dãy nhà trọ của **T** có đồng người nên **T** và **T2** để 02 bao tải chứa pháo ở trong ruộng mía cách phòng trọ khoảng 20m rồi cả hai đi về phòng của **T**, một lúc sau thì **T2** đi về phòng trọ của mình. Đến khoảng 23 giờ cùng ngày, **T** đang chơi ở **Bản S, thị trấn H** thấy trời mưa nên gọi điện thoại cho **T2** và **Dương Công N1** là người cùng xóm trọ với **T** cất 02 bao tải chứa pháo vào phòng trọ của **T**. Khi gọi cho **N1**, **T** không nói đó là pháo nên **N1** không biết trong bao tải chứa pháo hoa nổ. Nhận được điện thoại của **T**, **T2** nhờ **Hoàng Chàn P** đi xe mô tô chở **T2** lên phòng trọ của **T** và nhờ **P** giúp vận chuyển pháo vào phòng, **T2** không nói nên **P** không biết bên trong bao tải dứa có chứa pháo hoa nổ. Còn **T** đến khoảng 01 giờ ngày 13/7/2023 thì về phòng ngủ đến khoảng 05 giờ, **T** dậy mở hai bao tải ra và cho 06 hộp pháo loại 36 ống pháo vào trong hộp catton đã chuẩn bị sẵn từ trước. Sau đó xếp các hộp thạch đen thành phẩm lên trên để nguội trang rồi dùng băng dính màu trắng trong suốt dán lại. Còn lại 10 hộp loại 100 ống thì cất dưới gầm giường. Sau đó **T** mượn xe mô tô biển kiểm soát 19S1- 004.97 của chị **Ngô Thị Mỹ L** chở thùng catton chứa 06 hộp pháo hoa nổ đi gửi xe khách về Bắc Giang. Trên đường vận chuyển đến **Tổ dân phố Đ, thị trấn T, huyện Q** thì bị lực lượng chức năng phát hiện bắt giữ.

Quá trình điều tra **Nguyễn Văn T** và **Đặng Quý T2** thừa nhận hành vi phạm tội như trên và khai: Mục đích **T** sang bên trung **Q** mua pháo về để bán kiếm lời. Khi đang trên đường chở 06 hộp pháo đi gửi xe khách về Bắc Giang cho một người đàn ông tên **B** thì bị lực lượng chức năng phát hiện bắt giữ. **T** không biết **B** có họ và địa chỉ cụ thể như thế nào. Thoại và **B** kết bạn với nhau qua mạng xã hội **W**, không có số điện thoại của nhau. Bắc đặt mua 10 hộp pháo hoa loại 100 ống và 06

hộp pháo hoa dạng 36 ống pháo thì **T** đồng ý. Sau khi mua được pháo thì **T** gửi xe đi đến hoặc qua địa phận thành phố **B** và chỉ cần thông báo cho **B** tên nhà xe, **B** sẽ tự liên hệ và nhà xe sẽ trả tiền cho **T** trước và nhận tiền với **B** sau. Thoại thuê **T2** đi giúp vận chuyển 01 bao tải pháo về phòng trọ và sẽ trả tiền công vận chuyển cho **T2**. Thoại không nói đem pháo về để làm gì nên **T2** không biết mục đích **T** mua pháo về để bán kiếm lời. Trên đường vận chuyển số pháo trên về phòng trọ thì **T2** có hỏi thì được **T** cho biết đó là pháo. **T2** chỉ đi giúp **T** vận chuyển để hưởng tiền công, tuy nhiên cả hai chưa thống nhất số tiền công như thế nào thì bị cơ quan chức năng phát hiện bắt giữ.

Với những hành vi như trên, bị cáo **Nguyễn Văn T** bị truy tố về tội “Buôn bán hàng cấm” quy định tại điểm g, k khoản 2 Điều 190 của Bộ luật hình sự. Bị cáo **Đặng Quý T2** bị truy tố về tội “Vận chuyển hàng cấm” quy định tại điểm c khoản 1 Điều 191 của Bộ luật hình sự.

Đối với người đàn ông Trung Quốc bán pháo và người đàn ông tên **B** ở tỉnh Bắc Giang mua pháo với **T**, do không xác định được nên không có căn cứ để mở rộng điều tra.

Đối với **Dương Văn N** và **Hoàng Chàn P** không đủ căn cứ để xử lý hình sự.

[2] Về diễn biến tại phiên tòa:

[2.1] Đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố và luận tội bị cáo **Nguyễn Văn T** về tội “Buôn bán hàng cấm” như Cáo trạng đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm g, k khoản 2 Điều 190, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật hình sự để xử phạt bị cáo từ 05 đến 06 năm tù. Bị cáo **Đặng Quý T2** về tội “Vận chuyển hàng cấm”, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm c khoản 1 Điều 191, điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật hình sự để xử phạt bị cáo từ 09 đến 12 tháng tù. Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền, do các bị cáo không có nghề nghiệp, thu nhập và buộc các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Đề nghị tịch thu để phát mại sung ngân sách nhà nước chiếc điện thoại Redmi của **Nguyễn Văn T** và chiếc điện thoại Oppo của **Đặng Quý T2**. Trả lại chiếc xe mô tô biển kiểm soát 19S1- 004.97 cho chị **Ngô Thị Mỹ L**.

[2.2] Phần tranh luận: Các bị cáo nhận tội và không có ý kiến tranh luận. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có ý kiến đề nghị xin lại chiếc xe biển kiểm soát 19S1- 004.97 để bán sắt vụn.

[2.3] Phần nói lời sau cùng: Các bị cáo mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt để có cơ hội sửa lỗi lầm, sớm trở về với gia đình.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều



tra và tại phiên tòa, bị cáo và người tham gia tố tụng khác không có ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về sự vắng mặt của những người làm chứng tại phiên tòa: Do đã có đơn xin xét xử vắng mặt, đồng thời bị hại đã nhận được tài sản và không có yêu cầu gì thêm, cho nên Hội đồng xét xử xét thấy quyền lợi của bị hại đã được đảm bảo, lời khai người làm chứng đã được công bố tại phiên tòa được bị cáo thừa nhận.

[3] Về hành vi phạm tội của các bị cáo: Tại phiên tòa các bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời khai nhận tội phù hợp với lời khai của người làm chứng, vật chứng thu giữ, kết luận giám định và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, tranh tụng công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử có căn cứ kết luận:

Khoảng 19 giờ ngày 12/7/2023, Nguyễn Văn T có hành vi vượt biên trái phép qua sông B thuộc địa phận Tổ dân phố B, thị trấn T, Q, Cao Bằng sang Trung Quốc gặp và mua với một người đàn ông Trung Quốc không rõ tên, tuổi, địa chỉ 06 hộp pháo hoa nổ loại giàn 36 ống pháo và 10 hộp pháo hoa nổ loại giàn 100 ống pháo có tổng khối lượng là 47,2kg pháo hoa nổ mục đích đem về bán lại kiếm lời. Mua được pháo, T cho vào 02 bao tải dứa mỗi bao 03 hộp loại giàn 36 ống và 05 hộp loại giàn 100 ống rồi một mình vận chuyển sang bờ sông bên Việt Nam. Đến bờ sông V, T vác 01 bao và thuê Đặng Quý T2 giúp vác 01 bao bên trong mỗi bao chứa 03 hộp loại giàn 36 ống pháo và 05 hộp loại giàn 100 ống pháo. Rồi cả hai vác về phòng trọ của T tại Tổ dân phố B, thị trấn T cất giấu. Khoảng 05 giờ ngày 13/7/2023, T cho 06 hộp pháo hoa nổ loại giàn 36 ống vào 01 thùng catton rồi dùng xe mô tô chở ra đường Q, thuộc địa phận Tổ dân phố Đ, thị trấn T mục đích để gửi xe về Bắc Giang bán thì bị phát hiện bắt giữ.

Còn Đặng Quý T2 dù biết đó là pháo hoa nổ nhưng vẫn đồng ý giúp T vận chuyển pháo từ B1 về phòng trọ của T tại Tổ dân phố B, thị trấn T cất giấu và được T hứa trả công bằng tiền (T2 chưa nhận được tiền). T2 không biết mục đích T mua pháo về để bán, cũng không được T nói cho biết mua với khối lượng là bao nhiêu. Do đó, T2 phải chịu trách nhiệm với khối lượng pháo mà mình đã vận chuyển giúp T là 23,6kg (01 bao bên trong chứa 03 hộp loại giàn 36 ống pháo và 05 hộp loại giàn 100 ống pháo).

Với những hành vi như trên, bị cáo Nguyễn Văn T bị truy tố về tội “Buôn bán hàng cấm” quy định tại điểm g, k khoản 2 Điều 190 của Bộ luật hình sự. Bị cáo Đặng Quý T2 bị truy tố về tội “Vận chuyển hàng cấm” quy định tại điểm c khoản 1 Điều 191 của Bộ luật hình sự. Do đó Cáo trạng số 51/CT-VKSQH ngày 02/11/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Hòa truy tố và bản luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa đối với các bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

[4] Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân, các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự của các bị cáo:

Đối với bị cáo **Nguyễn Văn T** là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự nhận thức được pháp nã bị nhà nước nghiêm cấm mua bán nhưng vì lợi nhuận nên đã bất chấp vi phạm quy định cấm của nhà nước. Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến những quy định của Nhà nước về buôn bán hàng cấm, gây mất trật tự an ninh chính trị ở địa phương. Vì vậy cần phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội nhằm cải tạo bị cáo và phục vụ công tác đấu tranh phòng chống tội phạm nói chung. Tuy nhiên trong quá trình điều tra và tại phiên toà bị cáo đã thành khẩn khai báo, nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Bị cáo phạm tội lần đầu, nhân thân tốt. Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có. Xét thấy bị cáo không có nghề nghiệp và thu nhập ổn định cho nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền. Vì vậy khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử sẽ cân nhắc.

Đối với bị cáo **Đặng Quý T2** là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự nhận thức được pháp nã bị nhà nước nghiêm cấm vận chuyển nhưng vì được trả công hưởng lợi nên đã bất chấp vi phạm quy định cấm của nhà nước. Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến những quy định của Nhà nước về vận chuyển hàng cấm, gây mất trật tự an ninh chính trị ở địa phương. Vì vậy cần phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội nhằm cải tạo bị cáo và phục vụ công tác đấu tranh phòng chống tội phạm nói chung. Tuy nhiên trong quá trình điều tra và tại phiên toà bị cáo đã thành khẩn khai báo, bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, nhân thân tốt, nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có. Xét thấy bị cáo không có nghề nghiệp và thu nhập ổn định cho nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền. Vì vậy khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử sẽ cân nhắc.

[5] Về xử lý vật chứng:

- Đối với số pháo đã thu giữ của bị cáo **Nguyễn Văn T**, **Đặng Quý T5**, cơ quan điều tra đã xử lý đúng quy định, vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

- Đối với 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Redmi màu đen màn hình cảm ứng, điện thoại có số IMEI1: 863075069129987/78 và số IMEI2: 863075069129995/78, điện thoại gắn sim số thuê bao: 0363.878.462 và sim số thuê bao: 0886.284.344 điện thoại đã qua sử dụng. Chiếc điện thoại này thuộc sở hữu của **Nguyễn Văn T**, được **T** dùng vào việc liên lạc mua pháo, do đó sẽ bị tịch thu phát mại sung ngân sách nhà nước.

- Đối với 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu đen màn hình cảm ứng, điện thoại có số IMEI1: 869945063286419 và số IMEI2: 869945063286401, điện thoại gắn sim số thuê bao: 0357.987.508 điện thoại đã qua sử dụng. Chiếc điện thoại này thuộc sở hữu của **Đặng Quý T2**, được **T2** dùng vào việc liên lạc vận chuyển pháo, do đó sẽ bị tịch thu phát mại sung ngân sách nhà nước.

- Đối với 01 (một) xe moto nhãn hiệu YAMAHA, loại xe Nouvo, xe gắn biển kiểm soát 19S1-004.97, xe có số khung: RLCN5P110BY4\*\*45\*, số máy: 5P11-\*\*\*\*\* xe đã qua sử dụng thuộc quyền sở hữu hợp pháp của chị **Ngô Thị Mỹ L**,

chị **L** không có lỗi trong việc để cho bị cáo **T** đem đi chở pháo, ngoài ra chị **L** mua chiếc xe này ở **huyện B** là ngay tình, không biết xe đã bị đục lại số khung, số máy, do đó sẽ trả chiếc xe cho chị **L**, tuy nhiên cần kiến nghị **Công an huyện Q** xử lý chiếc xe này theo quy định do không đủ điều kiện để lưu hành (số khung, số máy không còn nguyên thủy).

[6] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Về trách nhiệm hình sự:

- Căn cứ điểm g, k khoản 2 Điều 190, s khoản 1 Điều 51, Điều 38, 58 của Bộ luật hình sự: Tuyên bố bị cáo **Nguyễn Văn T** phạm tội “Buôn bán hàng cấm”.

- Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 191, i, s khoản 1 Điều 51, Điều 38, 58 của Bộ luật hình sự: Tuyên bố bị cáo **Đặng Quý T2** phạm tội “Vận chuyển hàng cấm”

- Xử phạt bị cáo **Nguyễn Văn T** 05 năm (**N2**) năm tù. Thời hạn chấp hành án phạt tù được tính từ ngày 13/7/2023.

- Xử phạt bị cáo **Đặng Quý T2** 09 (Chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành án phạt tù được tính từ ngày 13/7/2023.

2. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 của Bộ luật hình sự, điểm a khoản 2, khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự 2015.

- Tịch thu để phát mại sung ngân sách nhà nước 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Redmi màu đen màn hình cảm ứng, điện thoại có số IMEI1: 863075069129987/78 và số IMEI2: 863075069129995/78, điện thoại gắn sim số thuê bao: 0363.878.462 và sim số thuê bao: 0886.284.344 điện thoại đã qua sử dụng của **Nguyễn Văn T** và 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu đen màn hình cảm ứng, điện thoại có số IMEI1: 869945063286419 và số IMEI2: 869945063286401, điện thoại gắn sim số thuê bao: 0357.987.508 điện thoại đã qua sử dụng của **Đặng Quý T2**.

- Trả cho chị **Ngô Thị Mỹ L** (địa chỉ: **Tổ dân phố H, thị trấn T, huyện Q, tỉnh Cao Bằng**) 01 (một) xe moto nhãn hiệu YAMAHA, loại xe Nouvo, xe gắn biển kiểm soát 19S1-004.97, xe có số khung: RLCN5P110BY4\*\*45\*, số máy: 5P11-\*\*\*\*\* xe đã qua sử dụng. Tuy nhiên kiến nghị **Công an huyện Q** xem xét xử lý chiếc xe theo quy định của pháp luật vì số khung, số máy đã không còn nguyên thủy.

3. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự 2015; Điều 21, Điều 23 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Buộc các bị cáo **Nguyễn Văn T, Đặng Quý T2** mỗi bị cáo phải chịu 200.000,đ án phí hình sự sơ thẩm để sung ngân sách nhà nước.

4. Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331, 333 của Bộ luật tố tụng hình sự: Án xử công khai sơ thẩm có mặt các bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, báo cho biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Cao Bằng;
- VKSND tỉnh Cao Bằng;
- Phòng hồ sơ - CATCB;
- Sở Tư pháp tỉnh Cao Bằng;
- VKSND huyện Quảng Hòa;
- Công an huyện Quảng Hòa;
- Chi Cục THADS huyện Quảng Hòa;
- Các bị cáo;
- Người có QLNVLQ;;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Nông Thanh Điệp**